

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán châu Á trước lo ngại tình trạng phong tỏa của Trung Quốc làm gia tăng rủi ro lạm phát toàn cầu

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30

[Thông tin doanh nghiệp]

POW, LTG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị có thể gia tăng một phần vị thế trading tại vùng hỗ trợ đã đề cập đối với các cổ phiếu mục tiêu nhưng cần duy trì tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro

15/04/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,458.56	-0.92
VN30	1,493.74	-1.60
HĐTL VN30F1M	1,492.60	-1.32
HNXIndex	416.71	-1.65
HNX30	743.46	-2.17
UPCoM	112.36	-0.93
USD/VND	22,900	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.01	+4
Lãi suất qua đêm (%)	2.09	+9
Dầu (WTI, \$)	106.95	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,974.43	+0.04



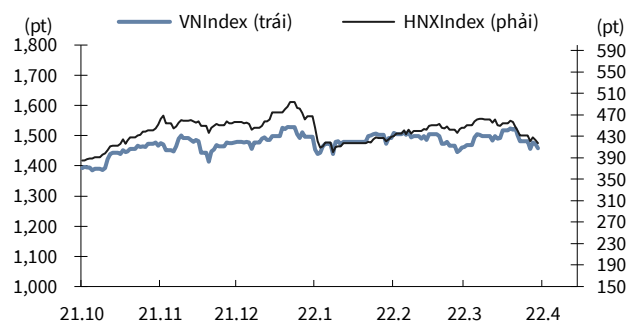
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,458.56 (-0.92%)
KLGD (triệu CP)	659.5 (+40.7%)
GTGD (triệu US\$)	945.7 (+17.0%)
HNXIndex	416.71 (-1.65%)
KLGD (triệu CP)	70.2 (+23.2%)
GTGD (triệu US\$)	93.0 (+25.6%)
UPCoM	112.36 (-0.93%)
KLGD (triệu CP)	78.7 (+110.6%)
GTGD (triệu US\$)	48.4 (+39.6%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +4.8

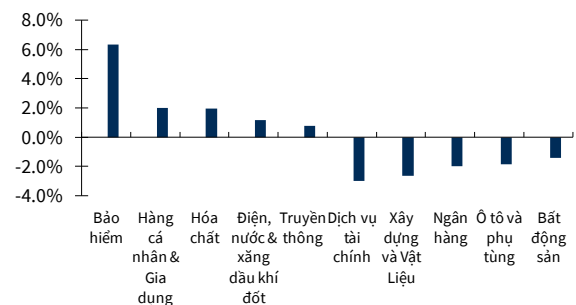
TTCK Việt Nam giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán châu Á trước lo ngại tình trạng phong tỏa của Trung Quốc làm gia tăng rủi ro lạm phát toàn cầu. giá dầu tiếp tục giảm sau khi IEA hạ dự báo nhu cầu dầu toàn cầu 260,000 thùng/ngày trong năm nay do nhu cầu sụt giảm từ Trung Quốc khiến cổ phiếu dầu khí giảm giá ở PVS (-1.6%), PVD (-0.2%). Cổ phiếu thủy sản tăng giá AVN (+7%), VHC (+1.9%), trái ngược với diễn biến tiêu cực ở thị trường chung trước thông tin các doanh nghiệp chế biến cá tra xuất khẩu ở ĐBSCL cho biết, những ngày qua, giá cá tra nguyên liệu tiếp tục tăng nhờ tình hình xuất khẩu thuận lợi. Khối ngoại mua ròng ở VPB (-2.5%), CTG (-0.6%), DPM (-2.1%).

VNIndex & HNXIndex



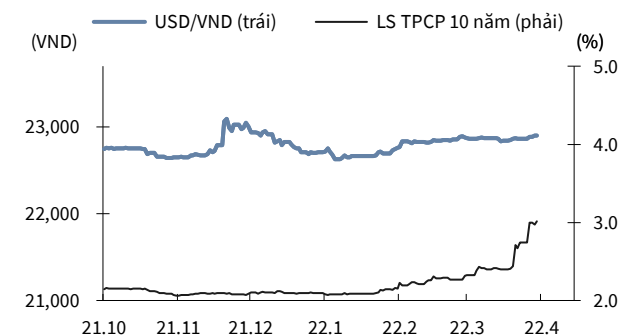
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

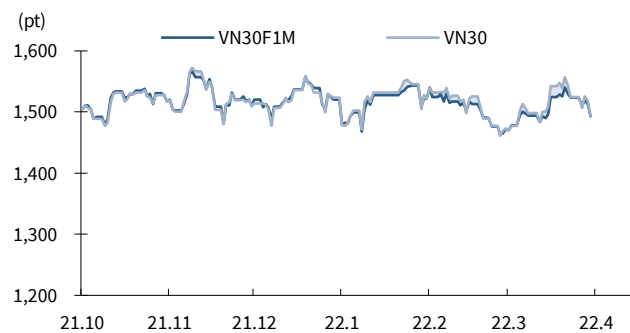
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,493.74 (-1.60%)
VN30F1M	1,492.6 (-1.32%)
Mở cửa	1,511.8
Cao nhất	1,517.4
Thấp nhất	1,492.6

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến của chỉ số VN30. Chênh lệch F2204 và chỉ số cơ sở mở cửa ở mức -6.51 điểm sau đó thu hẹp dần và biến động giằng co quanh mức -0.29 điểm trước khi đóng cửa tại mức -1.14 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường tăng mạnh.

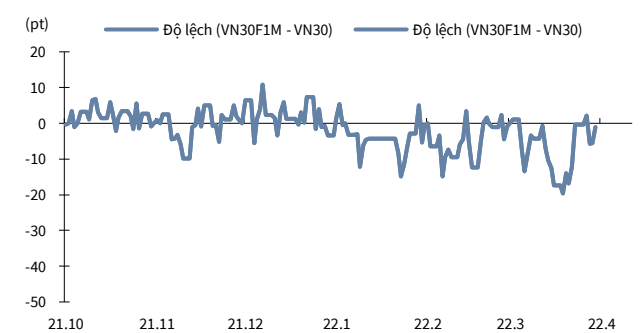
KLGD (HĐ) **169,195 (+30.6%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



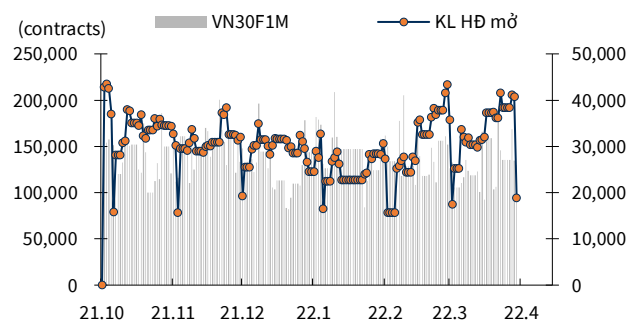
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



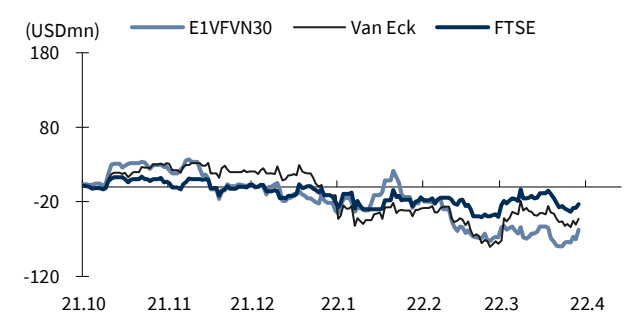
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

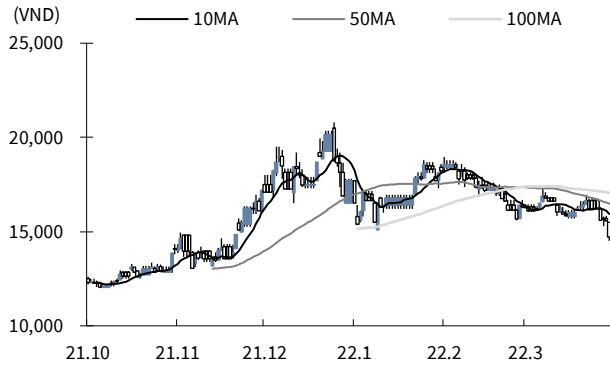
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

PV Power (POW)

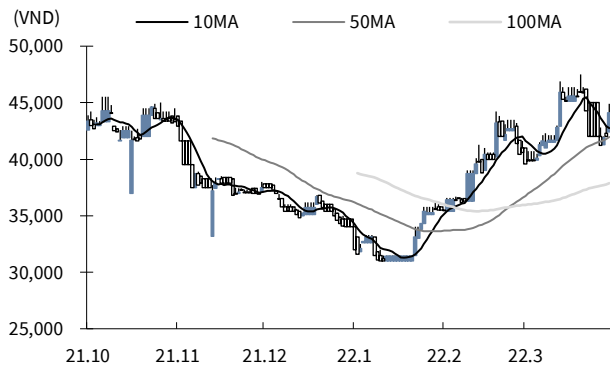


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW giảm 5.5% xuống 14,700 VND/cp

- PV Power lên kế hoạch lợi nhuận sau thuế 743 tỷ đồng (-63.7% YoY) và doanh thu năm nay 24,242 tỷ đồng (-4.1% YoY). PV Power phấn đấu tổng sản lượng điện sản xuất năm 2022 đạt 13.9 tỷ kWh. Doanh nghiệp sẽ tham gia góp vốn và triển khai công tác chuẩn bị thực hiện đầu tư dự án tuabin khí hỗn hợp Quảng Ninh, dự án nhà máy điện khí Cà Mau 3, kho cảng LNG Nam Du, tiếp tục nghiên cứu triển khai các dự án điện LNG, năng lượng tái tạo.

Tập đoàn Lộc Trời (LTG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

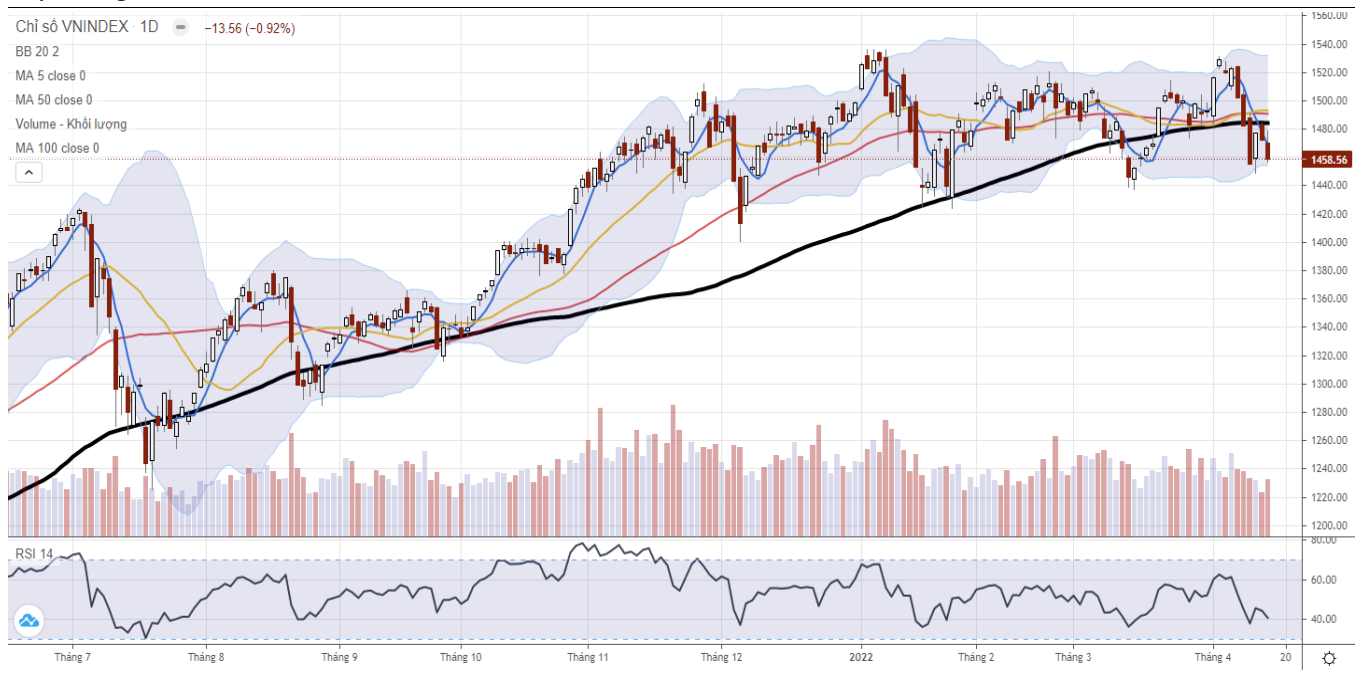
- LTG tăng 4% lên 44,100 VND/cp

- Tập đoàn Lộc Trời thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 với lợi nhuận sau thuế 400 tỷ đồng, giảm 4.3% so với thực hiện năm trước, cổ tức 2022 sẽ tăng lên 25% và 2023 là 30%. Cổ đông thông qua phương án phát hành riêng lẻ 10 triệu cổ phiếu, tỷ lệ phát hành 12.4%, theo đó vốn điều lệ dự kiến tăng từ 806 tỷ đồng lên 906 tỷ đồng.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

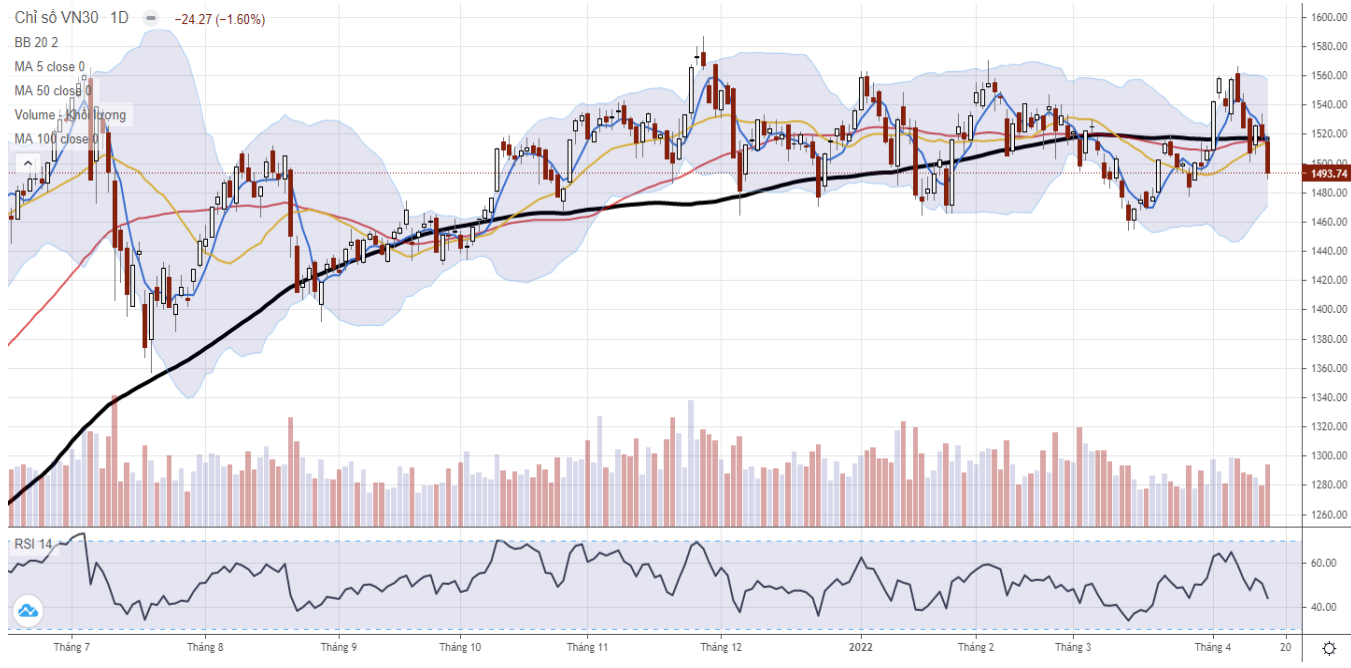
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực vượt cản bất thành trong phiên, VNIndex dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Vùng kháng cự gần quanh 148x tiếp tục tạo áp lực lên đà hồi phục của chỉ số và một lần nữa VNIndex lại quay xuống cạnh dưới của kênh tăng điểm từ đáy tháng 1. Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng cơ hội duy trì xu hướng hồi phục của chỉ số vẫn được giữ vững chừng nào điểm đỡ quan trọng quanh 144x chưa bị phá vỡ. Đây cũng là chốt chặn phải được bảo toàn nếu không khả năng tiếp tục phá đáy ngắn hạn cần được tính đến.
- NĐT được khuyến nghị có thể gia tăng một phần vị thế trading tại vùng hỗ trợ đã đề cập đối với các cổ phiếu mục tiêu nhưng cần duy trì tỷ trọng ở mức vừa phải, tương ứng với mức độ chấp nhận rủi ro.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1518 - 1523

Kháng cự gần: 1505 - 1509

Hỗ trợ gần: 1486 - 1490

Hỗ trợ xa: 1476 - 1480

- Sau nỗ lực hồi phục vào đầu phiên bất thành, F1 đảo chiều giảm điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Vùng kháng cự gần quanh 152x tiếp tục tạo áp lực cho đà hồi phục của chỉ số và một lần nữa F1 quay xuống chớm phá đáy. Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng cơ hội duy trì xu hướng hồi phục của chỉ số vẫn được giữ vững chừng nào điểm đỡ quan trọng quanh 148x chưa bị phá vỡ. Đây cũng là chốt chặn phải được bảo toàn nếu không khả năng tiếp tục phá đáy ngắn hạn cần được tính đến.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại các ngưỡng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở lại một phần vị thế LONG tại vùng hỗ trợ xa nhưng đặt ngưỡng dừng lỗ chặt.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

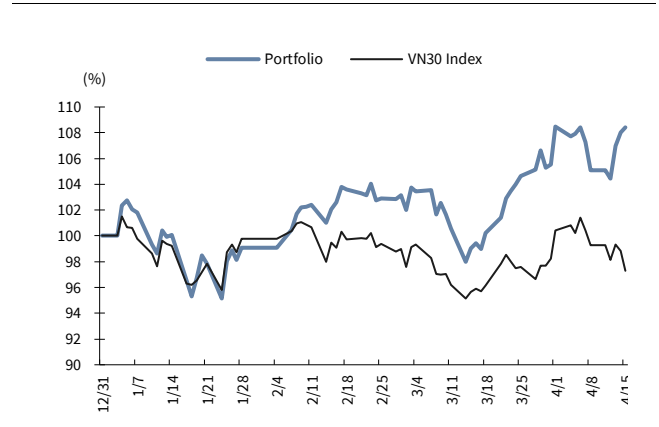
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.60%	0.35%
Tăng lũy kế (YTD)	-2.73%	8.41%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 15/04/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	160,200	0.4%	107.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	70,700	-2.1%	17.2%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	117,100	0.1%	52.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	207,000	0.0%	7.8%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	87,000	6.1%	155.9%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	115,000	-1.4%	295.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	31,000	-0.6%	64.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	115,100	3.1%	56.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	44,200	-1.6%	205.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	50,600	-0.6%	269.3%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VPB	-2.5%	17.5%	75.6
CTG	-0.6%	25.7%	64.1
DPM	-2.1%	11.3%	55.4
CII	2.1%	11.0%	53.1
GEX	-5.7%	8.5%	45.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-1.6%	21.9%	-187.3
SSI	-4.8%	37.6%	-71.6
VND	-2.5%	18.2%	-22.3
TPB	-4.4%	29.9%	-32.7
YEG	1.7%	20.9%	-28.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-8.1%	1.3%	1.3
IVS	-2.3%	70.6%	1.1
TA9	7.5%	8.5%	0.6
GLT	9.2%	3.7%	0.4
PVC	1.7%	0.7%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	-4.7%	8.2%	-3.1
BCC	-2.2%	1.8%	-0.6
TNG	5.1%	1.9%	-0.5
THD	-1.9%	1.5%	-0.2
CLH	1.1%	3.0%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	6.2%	MWG, FRT
Hóa chất	5.6%	DGC, GVR
Công nghệ thông tin	5.0%	FPT, CMG
Bảo hiểm	4.5%	BVH, MIG
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.8%	PNJ, GIL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-5.5%	SSI, VCI
Xây dựng và Vật Liệu	-4.5%	VCG, VGC
Tài nguyên Cơ bản	-3.9%	HPG, NKG
Ngân hàng	-3.8%	VCB, BID
Bất động sản	-2.8%	VHM, DIG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	18.5%	MWG, DGW
Công nghệ thông tin	16.9%	FPT, CMG
Bảo hiểm	16.8%	BVH, MIG
Hàng cá nhân & Gia dụng	10.4%	PNJ, MSH
Hóa chất	8.9%	DGC, GVR

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-9.1%	YEG, ADG
Du lịch và Giải trí	-7.1%	VJC, HVN
Ô tô và phụ tùng	-6.2%	TCH, HHS
Xây dựng và Vật Liệu	-5.9%	VCG, ROS
Dịch vụ tài chính	-5.6%	SSI, VCI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDm)	GTGD (VNĐtrệu, USDm)	Room còn lại (%,-1đ)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	242,158 (10.6)	22.5	74.1	39.7	14.7	4.4	7.3	3.0	2.8	-1.2	1.5	3.1	-15.1
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	299,972 (13.1)	26.6	8.6	7.4	35.9	24.6	22.7	1.9	1.6	-1.7	-5.2	-4.6	-13.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	126,581 (5.5)	17.8	28.3	18.3	-7.6	9.0	11.6	2.2	2.0	-1.1	-3.5	-0.8	4.7
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	455,049 (19.9)	31.3	29.2	19.1	6.7	15.2	18.7	3.9	3.2	-1.1	-0.6	9.8	-7.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	61,575 (2.7)	11.6	22.5	18.1	13.7	13.7	14.4	2.6	2.3	-1.2	-3.1	-1.0	-2.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	544,296 (23.8)	13.9	16.4	8.0	-	15.0	12.4	1.8	2.2	-5.7	-9.6	-6.6	7.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	78,370 (3.4)	6.3	14.2	11.6	11.7	20.9	21.7	2.7	2.3	-1.0	-3.4	-1.1	1.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	111,352 (4.9)	12.7	14.8	10.7	-5.3	17.2	20.2	2.1	1.7	-3.0	-8.7	-6.7	5.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	313,194 (13.7)	0.0	7.4	6.1	14.3	21.0	20.6	1.4	1.1	-3.6	-7.5	-6.2	-8.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	171,268 (7.5)	1.4	7.6	6.3	50.3	20.1	20.9	1.3	1.2	-0.6	-4.8	-3.0	-8.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	695,603 (30.4)	0.0	11.7	9.4	18.8	16.2	16.9	1.8	1.5	-2.5	-3.3	4.3	7.5
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	424,088 (18.5)	0.0	7.7	6.2	14.6	24.1	23.4	1.6	1.3	-2.8	-6.8	-0.6	8.7
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	105,632 (4.6)	4.2	7.3	6.0	23.3	21.8	21.1	-	-	-3.7	-9.0	-3.3	-14.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	445,153 (19.5)	14.0	13.1	7.7	26.5	13.9	17.8	1.5	1.3	-2.3	-5.6	-8.0	-4.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	184,949 (8.1)	0.0	8.8	7.1	37.4	23.0	22.6	1.8	1.5	-4.4	-8.9	-6.4	-9.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	19,519 (0.9)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-1.5	-7.6	10.0	-1.2
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	98,782 (4.3)	21.0	22.4	19.3	15.8	10.2	11.1	2.2	2.0	6.9	3.7	21.2	19.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	33,139 (1.4)	14.2	39.9	18.1	9.1	11.6	13.5	4.4	2.0	5.1	-2.8	7.0	-5.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	323,806 (14.2)	55.4	17.9	16.8	-3.2	15.2	15.2	-	-	-4.8	-9.2	-7.6	-22.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	121,871 (5.3)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-6.0	12.6	14.1	-31.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	110,572 (4.8)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-4.7	12.4	12.4	-33.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	397,443 (17.4)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-2.5	-3.7	3.4	1.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	241,787 (10.6)	42.1	16.0	14.7	4.0	30.9	32.9	4.6	4.4	0.3	-2.5	-0.9	-11.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	24,205 (1.1)	36.9	25.3	20.9	7.3	19.6	21.4	4.6	4.1	1.0	1.3	11.4	11.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	142,086 (6.2)	16.5	33.2	24.2	-51.9	17.9	22.6	5.6	4.5	-0.6	-0.7	6.3	-12.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	119,451 (5.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.2	-8.4	-2.4	-24.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	121,765 (5.3)	11.0	118.3	23.8	-88.5	6.8	19.8	-	-	-0.7	-0.8	-8.2	5.9
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	175,043 (7.7)	10.8	23.7	20.8	-57.0	12.2	13.6	2.6	2.5	1.4	2.0	9.4	21.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	255,295 (11.2)	38.4	10.4	13.6	65.7	14.1	9.3	1.4	1.4	2.1	-6.0	-2.8	-36.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	142,378 (6.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-6.9	17.6	37.2	-63.2
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	620,447 (27.1)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-5.7	-7.2	10.3	-16.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	94,824 (4.1)	3.6	14.8	11.0	-52.4	4.2	5.4	0.6	0.6	-6.9	18.8	20.1	-36.3
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	74,406 (3.3)	0.0	13.7	11.3	-4.5	13.8	14.4	1.8	1.6	6.1	7.4	20.8	25.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	73,946 (3.2)	46.1	19.0	17.6	-17.5	20.5	19.5	3.9	3.7	3.1	2.0	6.6	19.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,449 (0.9)	31.4	12.7	10.2	-10.5	14.3	15.8	1.6	1.5	3.0	-1.0	5.1	-9.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,794 (0.1)	34.1	15.1	9.4	-5.1	10.1	17.3	1.3	1.3	-1.2	-4.8	-5.2	-13.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	760,601 (33.3)	18.0	6.9	6.6	21.9	29.9	23.1	1.7	1.3	-1.6	-5.0	-4.2	-4.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	451,640 (19.7)	36.5	8.5	17.8	-0.5	32.8	17.8	2.7	3.6	-2.1	9.3	13.5	41.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	333,979 (14.6)	46.5	9.3	13.7	-4.5	29.9	17.6	2.4	2.2	-2.1	3.6	-0.1	16.5
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	315,599 (13.8)	38.9	5.3	6.1	67.9	24.0	19.9	1.2	1.0	0.0	-5.9	-	10.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	118,593 (5.2)	97.2	16.5	16.5	17.2	7.0	-	1.1	1.1	-1.7	-3.4	-2.6	-16.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	88,554 (3.9)	4.6	20.1	16.0	-51.0	14.1	15.9	2.1	2.0	0.0	-3.4	-2.3	1.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	189,584 (8.3)	39.9	31.9	15.0	-11.9	3.3	5.9	0.9	0.9	-0.2	-8.9	-	16.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	98,300 (4.3)	35.9	8.8	7.6	2.2	16.5	16.4	1.3	1.1	-1.3	-4.9	-7.8	-2.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	310,970 (13.6)	0.0	17.8	14.9	14.4	28.1	28.0	4.7	4.0	0.4	3.4	21.9	17.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	118,832 (5.2)	0.0	20.0	16.3	2.4	20.9	20.8	3.6	3.0	0.1	1.7	13.8	21.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	11,462 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.7	-6.0	-	13.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	143,438 (6.3)	30.3	20.9	17.6	-75.2	29.7	27.6	5.9	4.5	-0.5	8.2	29.0	64.2
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	57,845 (2.5)	34.6	11.5	13.0	41.2	35.0	25.3	3.3	2.8	6.9	10.8	14.2	21.0
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,314 (0.1)	45.4	16.9	15.6	10.7	20.1	19.9	3.1	2.9	-0.2	-4.5	-6.3	-9.8
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	318,669 (13.9)	0.0	20.7	16.6	15.5	27.3	29.5	5.0	4.3	-1.4	1.5	26.4	23.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng
ngaphb@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích
quangtpt@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
huynd1@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.